

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2024/DS-PT
Ngày 29 - 08 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Giang Thị Cẩm Thuý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 84/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1973.

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Tạm trú: Số E, đường L, Phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

1.2. Ông Nguyễn Anh H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số I, Khóm E, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.3. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số I, Khóm E, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.4. Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

1.5. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: Số I, Khóm E, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Tam trú: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Anh H, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Anh D: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1983. Hộ khẩu thường trú: Số I, khóm E, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Tam trú: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn T1: bà Huỳnh Kim M, Luật sư của Văn phòng luật sư Huỳnh Kim M - Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Quách Hồng H1 (Đã chết).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Quách Hồng H1:

3.1.1. Bà Nguyễn Hồng T2 (Chết năm 2021)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Hồng T2:

- Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khóm D, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

- Ông Nguyễn Ba Đ. Địa chỉ: Không xác định được địa chỉ.

- Ông Nguyễn Bôn Đ1. Địa chỉ: Không xác định được địa chỉ.

3.1.2. Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.1.3. Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.1.4. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.1.5. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.1.6. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.1.7. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp I, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.1.8. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.1.9. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.1.10. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.1.11. Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Bà Quách Thị Ú1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Bà Quách Thị B1, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn L2, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Tuyết T3, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T1 là bị đơn.

5. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình.

(Ông Nguyễn Anh H, ông Nguyễn Anh D, Bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Kim M, bà Nguyễn Hồng L, ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn Ú có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Kim C là nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Anh H, bà Nguyễn Thị Kim N, anh Nguyễn Anh D trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây của bà Quách Hồng L3 là (mẹ ruột của đồng nguyên đơn) được cụ Quách H3 (Cha ruột của bà Quách Hồng L3) cho; bà L3 đã cất nhà ở khoảng trên 40 năm. Khi cho đất bà L3, cụ H3 không có làm giấy tờ nhưng việc cho đất bà L3 sử dụng thì những người thân trong gia đình đều biết. Sau đó cụ Quách H3 cũng cho bà Quách Hồng H1 (Con ruột cụ H3) phần đất liền kề với đất mà cụ H3 cho bà L3. Đến năm 2017, bà L3 chết thì căn nhà trên đất không ai ở, và năm 2018 căn nhà của bà L3 đã cũ, cây bị mục nát và nghiêng qua nhà của bà Quách Hồng H1 nên con của bà H1 là Nguyễn Văn Ú liên hệ với các đồng nguyên đơn xin dỡ bỏ căn nhà, vì sợ căn nhà bà L3 sập đổ qua nhà bà H1. Sau đó ông Ú tháo dỡ căn nhà của bà L3, đến nay thì căn nhà bà L3 vẫn còn khung nền của căn nhà trước đây.

Ngày 16/5/2020 cán bộ địa chính xã V, huyện H xuống đo đạc, khảo sát những hộ dân có đất mà chưa đăng ký kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì các đồng nguyên đơn có làm đơn xin xác nhận phần đất đang tranh chấp là của bà L3 có chữ ký của những hộ dân sinh sống lâu năm gần đất tranh chấp là bà Dương Thị B2, bà Trần Thị L4; thời điểm này bà H1, ông Nguyễn Văn Ú (Con bà H1), anh C2 (Con rể bà H1) cũng thừa nhận đất tranh chấp là của bà L4. Sau khi cán bộ địa chính xã V B đo đạc xác định diện tích và số thửa của bà L4 thì các đồng nguyên đơn thuê người cặm cọc xi măng để xác định ranh giới đất, nhưng ông Nguyễn Văn T1 không cho cặm cọc và cho rằng đất tranh chấp là của ông T1, nhưng các đồng nguyên đơn vẫn cặm cọc; sau đó thì ông T1 nhổ cọc lên.

Do các đồng nguyên đơn không có ở trên đất nên năm 2020 ông T1 đã cất nhà bếp lấn qua phần đất của bà L4; khi phát hiện ông T1 cất nhà bếp thì các đồng nguyên đơn trình báo chính quyền địa phương lập biên bản.

Nay bà Nguyễn Thị Kim C là nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Anh H, bà Nguyễn Thị Kim N, anh Nguyễn Anh D yêu cầu ông T1 trả lại diện tích theo đo đạc thực tế là 170,1m², đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu ông T1 di dời tài sản trên đất.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất hiện đang tranh chấp trước đây là của ông ngoại ông tên Quách H3 cho mẹ ông là bà Quách Hồng H1 vào năm 2003 thể hiện bằng tờ di chúc ngày 10/7/2003; hiện trạng đất trước đây là ao đĩa, sau đó ông bồi đắp lên thành đất nền. Đến khoảng năm 2008 thì người di của ông là bà Quách Hồng L3 mượn phần đất này của bà Quách Hồng H1 diện tích đất ngang 04m, dài 08m để cất nhà ở. Sau đó bà L3 không ở và căn nhà bị mối ăn, nên lúc đó em của ông là Nguyễn Văn Ú có gọi điện báo cho bà L3 biết thì bà L3 kêu tháo dỡ dùm cho bà L3. Phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay, trước yêu cầu đòi đất theo diện tích đo đạc thực tế là 170,1m² và di dời tài sản trên đất của ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Anh H, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Anh D, bà Nguyễn Thị Kim C thì ông không đồng ý, vì đất này là của bà Quách Hồng H1, tuy ông ở chung cùng nhà với bà H1 nhưng ông không có quyền định đoạt đối với diện tích đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Quách Hồng H1 trình bày (Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/11/2022):

Nguồn gốc phần đất hiện đang tranh chấp trước đây là của cha bà tên Quách H3 cho bà cách đây khoảng 33 năm với diện tích ngang 11m, dài 30m; đến năm 2003 cụ H3 có làm giấy cho đất; hiện trạng đất tranh chấp trước đây là cái đĩa, sau này con bà là Nguyễn Văn T1 sang lấp nên mới bằng phẳng thành nền; đến khoảng năm 2005, 2006 thì bà có cho bà L3 mượn đất cất nhà ở để làm rẫy, khi cho bà L3 mượn đất không có làm giấy tờ và không ai biết, khi bà L3 cất nhà ở nhưng bà L3 không ở thường xuyên mà bà L3 đi tới đi lui; đến năm 2015, 2016 thì nhà bà L3 bị sập và bà L3 không còn ở trên đất; bà và ông Nguyễn Văn T1 (con bà H1) sống chung nhà với nhau, nhưng phần đất đang tranh chấp là của bà và bà chưa cho đất

anh T1. Nay trước yêu cầu đòi đất của bà Nguyễn Thị Kim C là nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Anh H, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Anh D thì bà không đồng ý, vì phần đất tranh chấp là của cụ H3 cho bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án đến ngày 13/3/2023 bà H1 chết (không để lại di chúc), bà H1 có tất cả 11 người con gồm: Nguyễn Hồng T2 (bà T2 đã chết, bà T2 có 03 người con là Nguyễn Thị C1, Nguyễn Ba Đ, Nguyễn Bôn Đ1), Nguyễn Hồng L, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn H2, Ông Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Ú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Quách Thị Ú1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Văn T1 trước đây là của cha mẹ bà là cụ Quách H3 (chết năm 2004) và cụ Phạm Thị H4 (chết năm 1977); khi còn sống cụ Quách H3 đã cho phần đất tranh chấp cho chị của bà là bà Quách Hồng L3 khoảng trên 40 năm nay; bà L3 cất nhà ở ổn định cho đến khi bà L3 chết không bao lâu thì con bà Quách Hồng H1 đã tháo dỡ căn nhà xuống; khi bà L3 được cho đất thì bà L3 cất nhà ở trước. Sau một thời gian thì cụ H3 có cho chị của bà là bà Quách Hồng H1 phần đất liền kề với bà L3 để bà H1 cất nhà ở. Phần đất trước đây của bà L3 được cho hiện nay vẫn còn khung nền nhà (cuốn nền). Khi cụ Quách H3 còn sống thì bà không có nghe cụ H3 cho phần đất tranh chấp cho bà H1. Khi cho đất các con trong gia đình thì cụ H3 cũng không làm giấy tờ và cũng không có viết di chúc khi cho đất; bà H1 đã được cụ H3 cho phần đất ở cặp bên bà L3; bà xác định chữ ký và chữ viết trong tờ di chúc của bà H1 không phải là của cụ H3. Trong vụ án này bà không có yêu cầu gì liên quan đến phần đất tranh chấp, vì khi cụ H3 còn sống đã chia đất cho tất cả các con trong gia đình, nên khi cụ H3 chết không để lại tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Quách Thị B1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Văn T1 trước đây là của cha mẹ bà là cụ Quách H3 (chết năm 2004) và cụ Phạm Thị H4 (chết năm 1977); khi còn sống cụ Quách H3 đã cho phần đất tranh chấp cho chị của bà là bà Quách Hồng L3 khoảng trên 40 năm nay; khi bà L3 được cho đất thì bà L3 đã cất nhà ở, sau đó cụ H3 có cho chị của bà là bà Quách Hồng H1 phần đất cặp bà L3 mới về cất nhà ở sau; bà L3 cất nhà ở bà L3 cũng có lúc cho người khác thuê nhà và bà L3 lấy tiền hàng tháng, ổn định đến khi bà L3 chết vẫn còn nhà trên đất, hiện nay vẫn còn nền nhà (nền cuốn). Khi cụ Quách H3 còn sống thì bà không có nghe cụ H3 cho phần đất tranh chấp cho bà H1, cũng không có để lại di chúc gì cho bà H1 và cháu T1; tất cả các anh chị em bà khi được cụ H3 cho đất cũng không có di chúc hay giấy tờ gì khi được cho đất; bà H1 đã được cụ H3 cho phần đất ở cặp bên bà L3; bà xác định chữ ký và chữ viết trong tờ di chúc của bà H1 không phải là của cụ H3. Trong vụ án này bà không có yêu cầu gì liên quan đến phần đất tranh chấp, vì khi cụ H3 còn sống đã chia đất cho tất cả các con trong gia đình, nên khi cụ H3 chết không để lại tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà là con ruột của bà Quách Hồng H1, phần đất đang tranh chấp giữa Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Văn T1 là của bà Quách Hồng H1. Nay, trước yêu cầu đòi đất theo diện tích đo đạc thực tế là 170,1m² và di dời tài sản trên đất của Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thị Kim C thì bà không đồng ý, vì đất này là của bà Quách Hồng H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ2 trình bày:

Ông là con ruột của bà Quách Hồng H1, phần đất đang tranh chấp giữa Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Văn T1 là của bà Quách Hồng H1. Nay, trước yêu cầu đòi đất theo diện tích đo đạc thực tế là 170,1m² và di dời tài sản trên đất của Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thị Kim C thì ông không đồng ý, vì đất này là của bà Quách Hồng H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Ú trình bày:

Ông là con ruột của bà Quách Hồng H1, phần đất đang tranh chấp giữa Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Văn T1 là của bà Quách Hồng H1. Nay, trước yêu cầu đòi đất theo diện tích đo đạc thực tế là 170,1m² và di dời tài sản trên đất của Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thị Kim C thì ông không đồng ý, vì đất này là của bà Quách Hồng H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Hồng L trình bày:

Bà là con ruột của bà Quách Hồng H1, phần đất đang tranh chấp giữa Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Văn T1 là của bà Quách Hồng H1. Nay, trước yêu cầu đòi đất theo diện tích đo đạc thực tế là 170,1m² và di dời tài sản trên đất của Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thị Kim C thì bà không đồng ý, vì đất này là của bà Quách Hồng H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D1 trình bày:

Ông là con ruột của bà Quách Hồng H1, phần đất đang tranh chấp giữa Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Văn T1 là của bà Quách Hồng H1. Nay, trước yêu cầu đòi đất theo diện tích đo đạc thực tế là 170,1m² và di dời tài sản trên đất của Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thị Kim C thì ông không đồng ý, vì đất này là của bà Quách Hồng H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị B3, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị N2, chị Nguyễn Thị C1: Bà L1, bà B3, ông H2, Bà N2, chị C1 đã có đơn yêu cầu xin vắng mặt, các đương sự không có yêu cầu và không có ý kiến gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị C1 trình bày: Chị là con của bà Nguyễn Hồng T2 (cháu ngoại của bà Quách Hồng H1)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ba Đ, Nguyễn Bốn Đ1 không xác định được địa chỉ ở đâu nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông Nguyễn Ba Đ, Nguyễn Bốn Đ1.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Anh H, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Anh D, bà Nguyễn Thị Kim C kiện đòi ông Nguyễn Văn T1 trả phần diện tích đất là 170,1m² và di dời tài sản trên đất.

Buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Hồng L, ông Nguyễn Văn Đ2, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn Ú, bà Nguyễn Thị C1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Anh H, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Anh D, bà Nguyễn Thị Kim C phần diện tích đất là 170,1m². Đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí và số đo như sau:

- + Hướng Đông giáp với đất của bà Trần Ngọc L5 có số đo 05m;
- + Hướng Tây giáp đất ông Đinh Văn T4 có số đo 05m;
- + Hướng Nam giáp đất của anh Nguyễn Văn T1 có số đo 34,08m;
- + Hướng Bắc giáp đất của bà Trần Ngọc L5 có số đo 34,08m;

Tổng diện tích là 170,1m²; và di dời tài sản trên đất gồm có một phần mái che diện tích ngang 1,5m, dài 8,1m, phần mái che có kết cấu cột gỗ cây rừng, mái tôn xi măng, không có vách. (anh T1 quản lý sử dụng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quy định về thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình kháng nghị yêu cầu huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn T1 xác định cấp sơ thẩm buộc ông T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Quách Hồng H1 trả đất cho các nguyên đơn là không phù hợp vì: Nguồn gốc đất là của cụ Quách H3; năm 2003 cụ H3 cho bà H1, đến năm 2008 bà H1 cho bà Q hồng L5 mượn để xây dựng nhà ở. Những người làm chứng khai nghe cụ H3 cho bà Quách Hồng L3 chứ không chứng kiến, không biết chính xác vị trí, diện tích; Phần đất tranh chấp là lối đi duy nhất của nhà ông T1. Bà Quách Hồng L3 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có giấy cho đất của cụ H3 nên việc yêu cầu của

các nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T1. Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình thì bị đơn thống nhất.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự, từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát rút toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình đồng thời không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T1. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp đã được cấp sơ thẩm nhận định và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

Diện tích đất các đương sự tranh chấp theo đo đạc thực tế là 170,1m², đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, Bạc Liêu.

Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế, có vị trí và số đo như sau:

- + Hướng Đông giáp với đất của bà Trần Ngọc L5 có số đo 05m;
- + Hướng Tây giáp đất ông Đinh Văn T4 có số đo 05m;
- + Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Văn T1 có số đo 34,08m;
- + Hướng Bắc giáp đất của bà Trần Ngọc L5 có số đo 34,08m;

Tổng diện tích là 170,1m². (phần đất trên các bên đương sự chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), do anh Nguyễn Văn D2 đứng tên sổ mục kê (BL 243).

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự là nguyên đơn, bị đơn không đặt ra vấn đề liên quan đến thừa kế; các con của cụ Quách H3

và các hàng thừa kế không ai đặt ra việc chia thừa kế hay xác định đó là di sản thừa kế của cụ H3, đồng thời xác định khi còn sống cụ H3 đã chia đất cho các con; hai bên đương sự cũng đều cho rằng đất được cụ H3 tặng cho khi còn sống.

[6] Trên phần đất có một phần mái che diện tích ngang 1,5m, dài 8,1m, phần mái che có kết cấu cột gỗ cây rừng, mái tôn xi măng, không có vách. (do anh T1 quản lý sử dụng).

Ngày 26/7/2022, Hội đồng định giá tiến hành định giá phần đất tranh chấp có giá thị trường là $294.000 \text{ đồng/m}^2 \times 170,1 \text{m}^2 = 50.009.400 \text{ đồng}$. Đối với phần mái che có giá trị là 1.924.560 đồng.

[7] Về nguồn gốc đất các bên đương sự đều thừa nhận phần đất tranh chấp là của cụ Quách H3 (ông ngoại của hai bên đương sự), nhưng phía bị đơn cho rằng cụ H3 cho bà H1 và có chứng minh bằng tờ di chúc cho đất nền cất nhà được lập ngày 10/7/2003; sau đó bà H1 cho bà L5 mượn xây dựng nhà ở. Xét thấy phần đất tranh chấp qua thẩm định thực tế có hiện trạng bằng phẳng, không ao đìa và người sử dụng phần đất tranh chấp này là bà Quách Hồng L3 không phải là bà Quách Hồng H1. Qua lời trình bày của đồng nguyên đơn cũng đã được bị đơn anh T1 thừa nhận là trên đất tranh chấp trước đây có căn nhà của bà L3 và đến năm 2017 có nhờ gia đình anh đỡ nhà khi căn nhà của bà L3 sắp bị sập. Ngoài ra các con của cụ H3 là bà Quách Thị B1 và bà Quách Thị Ú1 là di ruột của đồng nguyên và bị đơn đều xác định phần đất tranh chấp trước đây bà Quách Hồng L3 đã được cụ H3 cho sử dụng trên 40 năm nay. Ngoài ra cụ H3 có cho bà Q Hồng Hoa phần đất để cất nhà ở liền kề với phần đất của bà L3 và bà L3 đã cất nhà ở trước và sau một thời gian bà H1 mới cất nhà ở sau. Việc ông T1 cho rằng mẹ ông là bà H1 cho bà L3 mượn đất cất nhà nhưng không có tài liệu chứng minh cho mượn, trong khi gia đình bà L3 về xây dựng nhà trước bà H1.

[8] Tại lời khai người làm chứng ông Đặng Văn K xác định: Ông là cậu bà con cô bác ruột với bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Văn T1; nguồn gốc đất đang tranh chấp trước đây là của cụ Quách H3; sau đó cụ H3 cho lại người con thứ ba là Quách Hồng L3 để cất nhà ở, làm ruộng và làm rẫy khoảng năm 1975; sau đó cụ H3 có cho người con thứ hai là Quách Hồng H1 phần đất cặp phần đất của bà L3 để ở; đồng thời bà L3 đã sử dụng phần đất này từ khoảng năm 1975 cho đến khi bà L3 về Bạc Liêu ở thì có cho người khác thuê, đến năm 2017 bà L3 chết và căn nhà đã cũ thì gia đình bà L3 nhờ con bà H1 tháo dỡ để lại phần đất trống cho đến nay. Ông trực tiếp nghe cụ H3 nói việc cho đất bà L3 và bà H1 để cất nhà ở; cụ H3 cho đất cho các con thì không có làm giấy tờ, chỉ nói bằng miệng; ông xác định viết và chữ ký trong tờ di chúc cho đất nền ngày 10/7/2023 không phải của cụ H3. Ông xác định phần đất đang tranh chấp là của cụ H3 cho bà L3.

[9] Tại lời khai người làm chứng là bà Dương Thị B2 cũng xác định: Bà là mợ dâu thứ sáu của bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Văn T1; nguồn gốc đất đang tranh chấp trước đây là của cha chồng bà là cụ Quách H3; đến năm 1975 cụ H3 cho lại người con thứ ba là Quách Hồng L3 để cất nhà ở, làm ruộng và làm rẫy; sau đó cụ H3 có cho người con thứ hai là Quách Hồng H1 phần đất cặp phần đất của bà L3 để ở; đồng thời bà L3 đã sử dụng phần đất này từ khi được cho đến khi

bà L3 về Bạc Liêu ở thì bà L3 có gặp bà kêu sang căn nhà và đất với giá 40.000.000 đồng, nhưng thời điểm đó bà không có tiền nên không sang, sau đó bà L3 cho người khác thuê nhà; năm 2017 bà L3 chết và năm 2018 căn nhà đã cũ thì gia đình bà L3 nhờ con bà H1 tháo dỡ căn nhà để lại phần đất trống cho đến nay; khi cho đất thì cụ H3 cho bà L3 và bà H1 mỗi người diện tích đất chiều ngang 06m, chiều dài 30m; cụ H3 cho đất thì không có làm giấy tờ, chỉ nói bằng miệng. Bà xác định phần đất đang tranh chấp là của cụ H3 cho bà L3.

[10] Người làm chứng là ông Thạch Sà L6 trình bày: Ông làm trưởng ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu từ năm 1987 đến năm 2008. Phần đất tranh chấp giữa những người con của bà Quách Hồng L3 và ông Nguyễn Văn T1 có nguồn gốc là của cụ Quách H3 cho lại bà Quách Hồng L3; bà L3 sử dụng đất lâu; bà L3 cất nhà trên đất ở làm rẫy, làm ruộng; có thời gian bà L3 cho bà P là cháu thuê để ở. Sau này bà L3 lên Bạc Liêu sinh sống và đi đi về về, ít ở căn nhà này. Phần đất này là của cha mẹ cho bà L3, chứ không phải tặng cho hay sang bán cho người khác. Bà H1 cũng được ông Hồng t cho phần đất cặp bên bà L3.

[11] Đối với việc ông T1 cho rằng phần đất tranh chấp là của cụ H3 cho bà H1 và đưa ra chứng cứ là tờ di chúc cho đất nền cất nhà được lập ngày 10/7/2003 nhưng phía đồng nguyên đơn không thừa nhận và tại phiên tòa anh T1 có yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của cụ Quách H3, nhưng ông T1 không cung cấp cho Tòa án mẫu chữ của cụ Quách H3 mà trình bày cho rằng trước đây cụ Quách H3 có làm tờ di chúc cho đất bà Quách Thị Ú1 (con cụ H3) và bà Ú1 đang lưu giữ, ông T1 yêu cầu Tòa án liên hệ với bà Quách Thị Ú1 để thu thập chứng cứ. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và làm việc với bà Quách Thị Ú1 thì bà Ú1 xác định cụ H3 cho đất bà không có làm giấy tờ và bà không có giữ bất cứ giấy tờ gì của cụ H3. Ngoài ra bà Ú1 cũng xác định chữ viết tờ di chúc cho đất lập ngày 10/7/2003 không phải chữ viết của cụ H3. Tại phiên tòa anh T1 còn xác định khi cụ H3 cho bà H1 phần đất tranh chấp thì các dì của anh là bà Quách Thị B1, Quách Thị Ú1 đều biết. Tuy nhiên tại các lời khai của bà B1 và bà Ú1 đã khẳng định phần đất tranh chấp cụ H3 cho bà L3 trước; và bà H1 cũng được cụ H3 cho sau một phần đất liền kề với bà L3.

[12] Từ những căn cứ nêu trên cho thấy rằng phần đất tranh chấp là của bà L3 đã được cụ H3 cho trên 40 năm. Sau khi được cho bà L3 đã cất nhà ở và sử dụng ổn định đến khi căn nhà tháo dỡ năm 2018, điều này đã được những người con của cụ H3 là bà Quách Thị B1 và Quách Thị Ú1 là di ruột của đồng nguyên đơn và bị đơn thừa nhận, cũng như những người sinh sống gần khu đất tranh chấp xác định. Khi cụ H3 còn sống cũng không tranh chấp hay yêu cầu bà L3 trả đất, sau khi cụ Hồng C3 cũng không ai tranh chấp. Như vậy, theo quy định tại Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà Quách Hồng L3 (mẹ của các nguyên đơn) đã chiếm hữu hơn 30 năm, nên quyền sử dụng đất thuộc về bà Quách Hồng L3.

[13] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn đối với anh Nguyễn Văn T1 đòi diện tích đất là 170,1m², đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời buộc anh Nguyễn Văn T1 cùng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Quách Hồng H1 gồm: bà Nguyễn Hồng L, ông Nguyễn Văn Đ2, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị

B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị L1, anh Nguyễn Văn Ú, chị Nguyễn Thị Cẩm di d tài sản trên đất gồm một phần mái che diện tích ngang 1,5m, dài 8,1m, phần mái che có kết cấu cột gỗ cây rừng, mái tôn xi măng, không có vách. (do anh T1 quản lý sử dụng) là có căn cứ.

[14] Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình.

[15] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1; Đình chỉ xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu. Có căn cứ chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

[16] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 165, khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Anh H, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Anh D, bà Nguyễn Thị Kim C kiện đòi ông Nguyễn Văn T1 trả phần diện tích đất là 170,1m² và di dời tài sản trên đất.

Buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Hồng L, ông Nguyễn Văn Đ2, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị L1, anh Nguyễn Văn Ú, ông Nguyễn Thị C1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Anh H, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn

Anh D, bà Nguyễn Thị Kim C phần diện tích đất là 170,1m². Đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí và số đo như sau:

- + Hướng Đông giáp với đất của bà Trần Ngọc L5 có số đo 05m;
- + Hướng Tây giáp đất ông Đinh Văn T4 có số đo 05m;
- + Hướng Nam giáp đất của anh Nguyễn Văn T1 có số đo 34,08m;
- + Hướng Bắc giáp đất của bà Trần Ngọc L5 có số đo 34,08m;

Tổng diện tích là 170,1m²; và di dời tài sản trên đất gồm có một phần mái che diện tích ngang 1,5m, dài 8,1m, phần mái che có kết cấu cột gỗ cây rừng, mái tôn xi măng, không có vách. (ông T1 quản lý sử dụng)

2. Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản 2.589.264 đồng, bà C đã dự nộp 2.589.264 đồng và đã chi hết. Ông T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà C số tiền 2.589.264 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Ông Nguyễn Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002821; ông Nguyễn Anh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002818; bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002819; bà Nguyễn Thị Kim C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002817; anh Nguyễn Anh D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002820 ngày 20/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình được hoàn lại toàn bộ.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 đồng. Ông T1 đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo lai thu số 0005413 ngày 16/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Hoà Bình;
- CCTHADS huyện Hoà Bình;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Hùng

